



TRÁCH NHIỆM TRỌN VẸN

TÒA NHÀ ĐIỀU HÀNH, NHÀ MÁY SẢN XUẤT, TỔNG KHO - TRUNG TÂM PHÂN PHỐI
Lô Z.01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, Q.7, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 37700 142 - 143 - 144 * Fax: (84.8) 37700 145
Website: www.savipharm.vn * Email: svp@savipharm.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI
SAVIPHARM

Số: 1666/SVP-KD

V/v thay đổi số đăng ký sản phẩm
SaVi Betahistine 16

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận

Công ty Cổ phần Dược phẩm SAVI xin gửi đến Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận lời cảm ơn trân trọng về sự tin tưởng và tạo điều kiện cho Công ty SAVI được cung ứng thuốc tại Quý Sở trong thời gian qua.

Căn cứ Quyết định trúng thầu số 08/QĐ-SYT ngày 05/01/2024 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-QLD ngày 21/03/2024 của Cục Quản lý Dược về việc ban hành Danh mục 881 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 193;

Căn cứ năng lực và khả năng cung cấp hàng hóa của Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi.

Bằng văn bản này, Công ty SAVI xin được trình bày nội dung như sau:

Vừa qua, Công ty SAVI đã trúng thầu sản phẩm SaVi Betahistine 16 (*Betahistin dihydroclorid 16mg*) với số đăng ký VD-29836-18 tại Quý Sở. Hiện nay, số đăng ký VD-29836-18 của sản phẩm SaVi Betahistine 16 được Cục Quản lý Dược cấp gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo cấu trúc số đăng ký mới: **893110164724** (*Xin xem Quyết định của Cục Quản lý Dược đính kèm*).

Để duy trì việc cung ứng hàng hóa, Công ty SAVI xin được cung ứng sản phẩm SaVi Betahistine 16 với số đăng ký mới **893110164724** thay cho số đăng ký cũ VD-29836-18.

Công ty SAVI xin cam kết ngoài việc cập nhật thay đổi số đăng ký, không có bất kỳ sự thay đổi nào về tiêu chuẩn chất lượng đã được duyệt của thuốc đã trúng thầu.

Rất mong sự chấp thuận của Quý Sở.

Công ty SAVI xin gửi đến Quý Sở lời cảm ơn trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KD.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH



ThS. Trần Lê Minh



TRÁCH NHIỆM TRỌN VẸN

IUA NHA DIEU HANH, NHA MAY SAN XUAI, TUNG KHU - THUNG IAM PHAN PHUI
Lô Z.01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, Q.7, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 37700 142 - 143 - 144 * Fax: (84.8) 37700 145
Website: www.savipharm.vn * Email: svp@savipharm.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 13/2024/TBUQ-TCHC/SVP

GIẤY ỦY QUYỀN

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 24. Tháng 12. Năm 2024

Hôm nay, ngày 22 tháng 06 năm 2024, tại TP.HCM.

Tôi là: TTƯT, TS-DS. CKII Trần Tự, số CCCD: 035045000837, ngày cấp 19/08/2022 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm SAVI, là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Dược phẩm SAVI có địa chỉ tại: Lô Z01-02-03a Khu công nghiệp trong Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bằng văn bản này, Tôi ủy quyền cho ThS. Trần Lê Minh, số CCCD: 079077020189, ngày cấp 12/01/2022 - Phó Tổng Giám Đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần Dược phẩm SAVI thực hiện các công việc sau đây:

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ E-HSDT, Hồ sơ dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT, Hồ sơ dự thầu hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT, Hồ sơ dự thầu, sửa đổi, thay thế E-HSDT, Hồ sơ dự thầu;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Ký kết Hợp đồng, Thỏa thuận khung với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn (gồm ký kết Biên bản hoàn thiện hợp đồng, Biên bản thương thảo, Thỏa thuận khung, Công văn, Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng);
- Ký Biên bản nghiệm thu, Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, Thanh lý hợp đồng;
- Ký bảng chào giá;
- Ký giấy ủy quyền bán hàng với nhà phân phối.

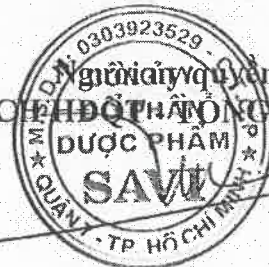
Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Dược phẩm SAVI. TTƯT, TS-DS. CKII Trần Tự chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ThS. Trần Lê Minh thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày 22/06/2024 đến khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng Giám Đốc có quyết định mới thay thế. Giấy ủy quyền này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản và Bên mời thầu giữ 01 bản.

Người được ủy quyền
PHÓ TGD KINH DOANH

ThS. TRẦN LÊ MINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - TỔNG GIÁM ĐỐC



TTƯT, TS-DS. CKII TRẦN TỰ



TRÁCH NHIỆM TRỌN VẸN

TÒA NHÀ ĐIỀU HÀNH, NHÀ MÁY SẢN XUẤT, TÔNG KHO – TRUNG TÂM PHÂN PHỐI

Lô Z01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 37700 142-143-144, Fax: (028) 37700 145

Website: www.savipharm.vn, Email: svp@savipharm.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SAVIPHARM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5/6 /2024/SVP/HĐQT/QĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2024

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ nhiệm cán bộ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi sửa đổi bổ sung lần thứ 3 ngày 22/09/2023.
- Căn cứ Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị số 010/2024/SVP/HĐQT/QĐ thông qua ngày 10/06/2024
- Căn cứ vào yêu cầu công tác, năng lực và phẩm chất đạo đức của Cán bộ



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm ThS. Trần Lê Minh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh thuộc Công ty Cổ phần Dược phẩm SAVI kể từ ngày 20/06/2024.

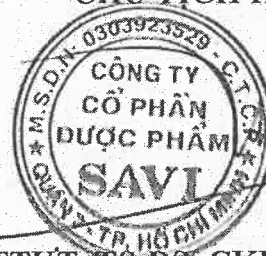
Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn, lương và các khoản phụ cấp theo quy định Công ty.

Điều 3. Ông/Bà Giám đốc: Phòng TC-HC, Phòng TC-KT, các cán bộ liên quan và ThS. Trần Lê Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu Thư ký Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



TTUT, TS-ĐS. CKII Trần Tựu



BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 181 /QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục 881 thuốc sản xuất trong nước
được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 193

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc
Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế
quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên
liệu làm thuốc - Bộ Y tế đợt 193 tại Công văn số 15/HĐTV-VPHĐ ngày 19/02/2024
của Văn phòng Hội đồng tư vấn cấp GĐKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 881 thuốc sản xuất trong
nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 193, cụ thể:

- Danh mục 595 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu
hành hiệu lực 05 năm (Phụ lục I kèm theo).
- Danh mục 285 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu
hành hiệu lực 03 năm (Phụ lục II kèm theo).
- Danh mục 01 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành
hiệu lực đến 31/12/2025 (Phụ lục III kèm theo).

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

- Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải
in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.
- Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy
chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát
đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều
143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.
- Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại
Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về
chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
- Thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này nhưng chưa
nộp hồ sơ cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định
của Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì phải thực

hiện cập nhật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 01/2018/TT-BYT trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy đăng ký lưu hành.

5. Sau 12 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo Quyết định này có thay đổi về nội dung hành chính (bao gồm cả mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc) phải sản xuất và lưu hành với các nội dung đã được phê duyệt thay đổi trong hồ sơ gia hạn.

6. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

7. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

8. Các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này được tiếp tục sử dụng số đăng ký đã cấp trước khi gia hạn trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày được cấp số đăng ký gia hạn theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BYT.

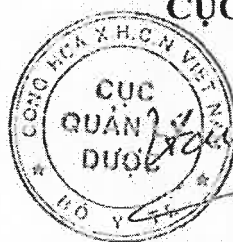
9. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2022/TT-BYT đối với các thuốc trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Đào Hồng Lan (đề b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (đề b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GDKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TỰ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCHN, P.QLGT;
- Website;
- Lưu: VT, ĐKT (C.H) (02b).



CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường

Phụ lục I
DANH MỤC 595 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH
TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 193

(Kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-QLĐ ngày 21 tháng 03 năm 2024
của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

1. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Công nghệ sinh học - Dược phẩm ICA (Địa chỉ: Lô 10, đường số 5, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Công nghệ sinh học - Dược phẩm ICA (Địa chỉ: Lô 10, đường số 5, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

1	Coxlec	Celecoxib 200mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên, vỉ PVC-Alu	NSX	36	893110136424 (VD-18668-13)	1
---	--------	-----------------	----------------	--------------------------------	-----	----	----------------------------	---

2. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược - vật tư y tế Nghệ An (Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam)

2.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược - vật tư y tế Nghệ An (Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam)

2	DNASomat	Omeprazol (dưới dạng pellet Omeprazol 8,5%: 235,3mg) 20mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm/nhôm; Hộp 1 lọ x 14 viên, lọ HDPE	NSX	36	893110136524 (VD-24933-16)	1
---	----------	---	----------------	--	-----	----	----------------------------	---

3. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa (Địa chỉ: Số 232 Trần Phú, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam)

3.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa (Địa chỉ: Số 04 đường Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam)

3	Amoxicilin 500 mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted) 500mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 20 vỉ x 10 viên; Hộp 50 vỉ x 10 viên	ĐDVN V	24	893110136624 (VD-24941-16)	1
4	Ampicilin 500 mg	Ampicilin (dưới dạng Ampicilin trihydrat) 500mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 20 vỉ x 10 vỉ; Hộp 50 vỉ x 10 viên	ĐDVN V	24	893110136724 (VD-24396-16)	1
5	Diclofenac	Diclofenac natri 50mg	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 10 vỉ x 10 viên	ĐDVN IV	24	893110136824 (VD-21946-14)	1
6	Glimethepharm	Glimepirid 2mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 50 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110136924 (VD-30657-18)	1
7	Gut C thepharm	Colchicin 1mg	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 20 viên	NSX	36	893115137024 (VD-22270-15)	1
8	Mectathepharm	Diosmectite 3g	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 4g	NSX	36	893100137124 (VD-19554-13)	1
9	Ptu Thepharm	Propylthiouracil 50mg	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 25 viên; Hộp 10 vỉ x 25 Viên; Hộp 1 lọ x 100 viên	ĐDVN V	36	893110137224 (VD-18800-13)	1

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
264	Resbaté	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat) 75mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên	NSX	36	893110162724 (VD-29097-18)	1

36. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C) (Địa chỉ: Lô Z01-02-03a, Khu Công nghiệp trong Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

36.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C) (Địa chỉ: Lô Z01-02-03a, Khu Công nghiệp trong Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

265	Amcoda 100	Amiodaron hydroclorid 100mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	BP 2020	36	893110162824 (VD-28014-17)	1
266	Amitriptyline Hydrochloride 25mg	Amitriptylin hydroclorid 25mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	USP 2021	36	893110162924 (VD-29099-18)	1
267	Cetampir 800	Piracetam 800mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, Alu PVC	NSX	36	893110163024 (VD-25260-16)	1
268	Cinasav 20	Citalopram (dưới dạng Citalopram hydrobromid) 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	USP 2021	36	893110163124 (VD-28018-17)	1
269	Disvir 200	Aciclovir 200mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	ĐEVN V	36	893110163224 (VD-29101-18)	1
270	Disvir 400	Aciclovir 400mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	ĐEVN V	36	893110163324 (VD-29102-18)	1
271	Disvir 800	Aciclovir 800mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên; Hộp 1 chai x 30 viên	ĐEVN V	36	893110163424 (VD-29103-18)	1
272	Fuxofen 10	Fluoxetin (dưới dạng Fluoxetin hydroclorid) 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	USP 42	36	893110163524 (VD-27037-17)	1
273	Gratronset 1	Granisetron (dưới dạng Granisetron HCl) 1mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	USP 42	36	893110163624 (VD-28023-17)	1
274	Metsav 850	Metformin hydroclorid 850mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Alu PVC	BP 2018	60	893110163724 (VD-25264-16)	1
275	Migtana 25	Sumatriptan (dưới dạng Sumatriptan succinat) 25mg	Viên nén bao phim	Hộp 01 vỉ x 10 viên; Hộp 03 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110163824 (VD-24266-16)	1
276	Natondix	Nabumeton 750mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 15 viên	USP 42	36	893110163924 (VD-29111-18)	1
277	Paracetamol SaVi 150	Paracetamol 150mg	Thuốc cốm sủi bột	Hộp 10 gói x 0,9g	NSX	36	893100164024 (VD-29112-18)	1
278	Perfectrip	Dimenhydrinat 50mg	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên	USP 43	36	893100164124 (VD-29114-18)	1
279	Rebamipide Invagen Sachets	Rebamipid 100mg	Thuốc cốm	Hộp 14 gói x 650mg	NSX	36	893110164224 (VD-28026-17)	1

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
280	Regulacid	Esomeprazol (dưới dạng esomeprazol magnesi trihydrat) 40mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 2 vỉ x 7 viên	NSX	36	893110164324 (VD-32537-19)	1
281	Sartan	Candesartan cilexetil 32mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110164424 (VD-29835-18)	1
282	SaVi Acarbose 100	Acarbose 100mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Alu Alu	NSX	36	893110164524 (VD-24268-16)	1
283	SaVi Acarbose 25	Acarbose 25mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110164624 (VD-28030-17)	1
284	SaVi Betahistine 16	Betahistin dihydroclorid 16mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	BP 2021	36	893110164724 (VD-29836-18)	1
285	SaVi Etoricoxib 30	Etoricoxib 30mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, Alu Alu	NSX	36	893110164824 (VD-25268-16)	1
286	SaVi Irbesartan 150	Irbesartan 150mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	USP 2021	36	893110164924 (VD-31851-19)	1
287	SaVi Montelukast 5	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 5mg	Viên nén nhai	Hộp 3 vỉ x 10 viên, trong túi nhôm	NSX	36	893110165024 (VD-28035-17)	1
288	SaVi Valsartan 160	Valsartan 160mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Alu PVDC	NSX	36	893110165124 (VD-25269-16)	1
289	SaViUrso 300	Acid ursodeoxycholic 300mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Alu PVC	NSX	36	893110165224 (VD-23009-15)	1
290	SavNopain 500	Naproxen 500mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110165324 (VD-29130-18)	1
291	Senwar 1	Warfarin natri 1mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Alu PVDC; Hộp 1 chai x 100 viên, HDPE	NSX	36	893110165424 (VD-25776-16)	1
292	Senwar 5	Warfarin natri 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai x 100 viên	NSX	36	893110165524 (VD-25778-16)	1
293	Slandom 8	Ondansetron (dưới dạng ondansetron hydroclorid) 8mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	USP 41	36	893110165624 (VD-28043-17)	1
294	Vasetib	Ezetimib 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Alu PVDC	NSX	36	893110165724 (VD-25276-16)	1
295	Ventizam 37,5	Venlafaxin (dưới dạng venlafaxin hydroclorid) 37,5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	BP 2021	36	893110165824 (VD-29135-18)	1

37. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco (Địa chỉ: Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam)

37.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco (Địa chỉ: 15 Đốc Bình Kiều, Phường 2, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam)